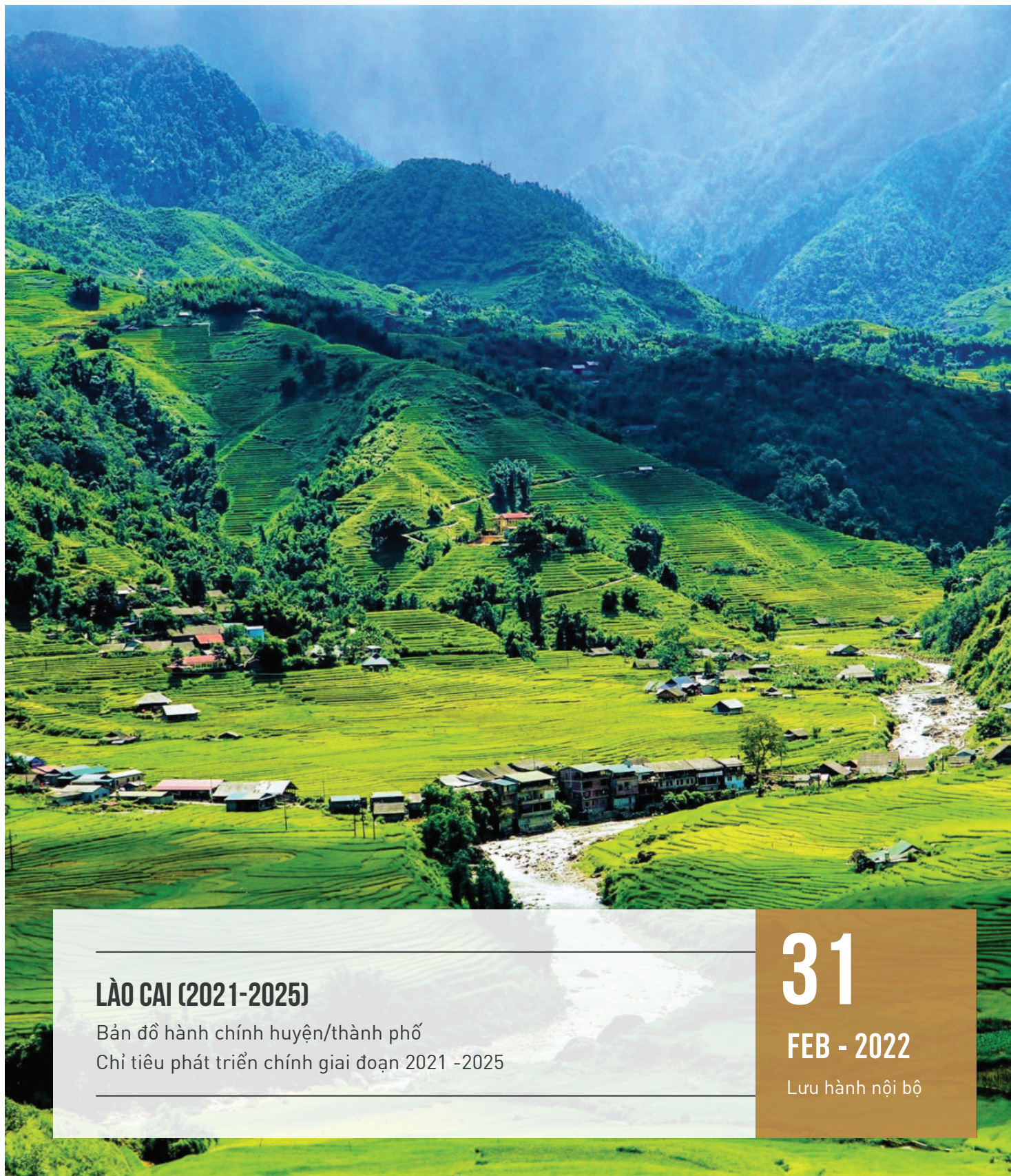


Land&Life

VOL.31 | LÀO CAI | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
PUBLISHING & MARKETING CENTER KNOWLEDGE



LÀO CAI (2021-2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 -2025

31

FEB - 2022

Lưu hành nội bộ

Quý độc giả thân mến,

Tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về vùng Trung du miền núi phía Bắc của nước ta, Land&Life Vol.31 chúng tôi xin được giới thiệu đến Quý độc giả về tỉnh Lào Cai - một tỉnh vùng cao biên giới Việt Nam.

Với vị trí chiến lược: là nơi giao thoa giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc, tiếp giáp Trung Quốc về hướng Bắc với đường biên giới dài hơn 200km, Lào Cai trở thành nút giao thông quan trọng của chiến lược phát triển “Hai hành lang, một vành đai kinh tế”. Đồng thời, là “cửa ngõ” quan trọng nối liền thị trường Việt Nam với thị trường phía Tây Nam - Trung Quốc, là trung tâm trung chuyển hàng hóa, dịch vụ, mậu dịch của Trung Quốc với thị trường Việt Nam và mở rộng ra thị trường các nước ASEAN.

Trong hành trình 30 năm tái lập tỉnh gắn với công cuộc đổi mới đất nước, Lào Cai đã đạt được những thành tựu vượt bậc, trên tất cả các lĩnh vực: từ một tỉnh nằm trong top nghèo của cả nước trở thành tỉnh phát triển của khu vực Trung du miền núi phía Bắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,08%, GRDP bình quân đầu người đạt 76,3 triệu đồng (đứng thứ 2 trong khu vực), tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 8,46%,...

Nhiệm kỳ mới, Lào Cai đặt mục tiêu phát triển toàn diện, trở thành trung tâm, cầu nối giao thương kinh tế, đối ngoại giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc; đến năm 2025 Lào Cai tiếp tục là tỉnh phát triển của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc, năm 2030 Lào Cai trở thành tỉnh khá của cả nước, năm 2045 là tỉnh phát triển của cả nước.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.31 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!



Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Hồ Mậu Tuấn

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Cuong

Tran Anh Quoc Cuong

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065

12



Thành phố Lào Cai

16

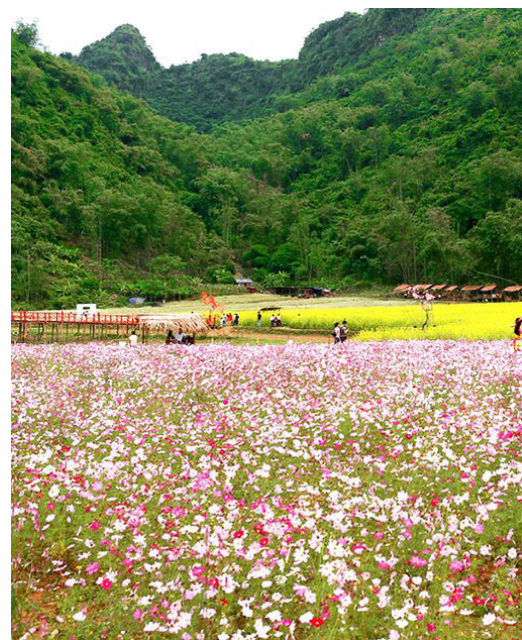


Thị xã Sapa

20



Huyện Bát Xát



22



Huyện Mường Khương

24



Huyện Si Ma Cai

28



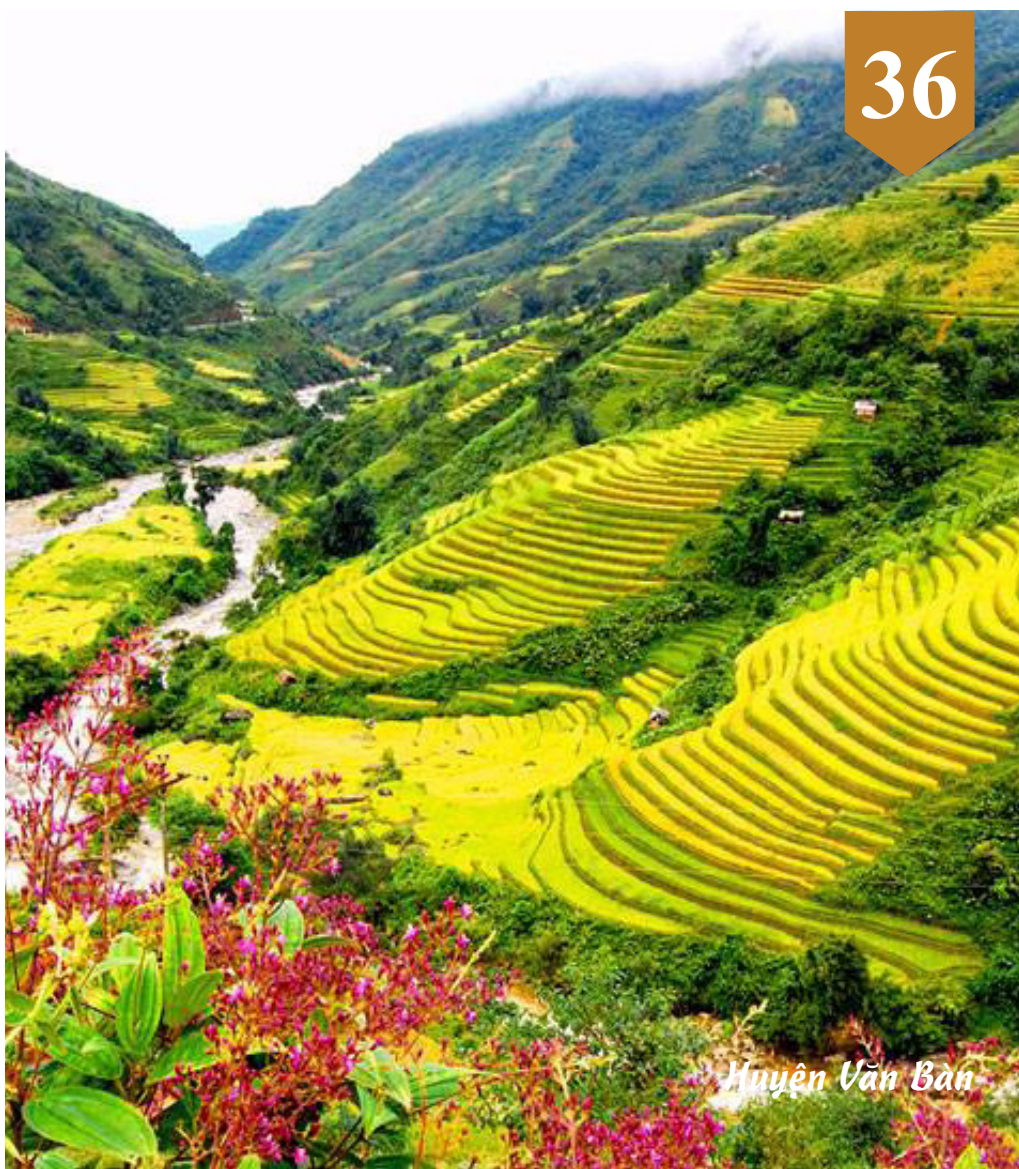
Huyện Bắc Hà

30



Huyện Bảo Thắng

36



Huyện Văn Bàn



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, giáp ranh giữa vùng Tây Bắc và vùng Đông Bắc.

Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang

Phía Nam giáp tỉnh Yên Bái

Phía Tây giáp tỉnh Lai Châu

Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc với 203 km đường biên giới





Managed by **p m c** | 07

Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện là nhiệm vụ thường xuyên, then chốt. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững; khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh cho phát triển, trong đó công nghiệp là trụ cột quan trọng; thương mại - du lịch, dịch vụ là đột phá; nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm.

Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng Lào Cai phát triển toàn diện trở thành trung tâm, cầu nối giao thương kinh tế, đối ngoại giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc; đến năm 2025 Lào Cai tiếp tục là tỉnh phát triển của vùng Trung du, Miền núi phía Bắc, năm 2030 Lào Cai trở thành tỉnh khá của cả nước, năm 2045 là tỉnh phát triển của cả nước.



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 trên 10%/năm; GRDP bình quân đầu người: 126 triệu đồng/năm.
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 10,5%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 45%; Dịch vụ chiếm 44,5%.
- Thu nhập bình quân đầu người: 72 triệu đồng/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2021 - 2025: 260.000 tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 15.500 tỷ đồng, bảo đảm cân đối chi thường xuyên.
- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất canh tác: 100 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá 2010) trên 60.000 tỷ đồng.
- Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn: 10 triệu lượt; doanh thu du lịch trên 44.500 tỷ đồng.



- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ: 50.000 tỷ đồng; giá trị xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu: 09 tỷ USD.
- Tỷ lệ đô thị hóa: 35%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 60% tổng số xã trên địa bàn; có trên 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia: 98%.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: 68%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương: 80%.
- Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 45 giường bệnh; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 15 bác sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi dưới 26,7%, thể cân nặng trên tuổi dưới 13%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,2%.
- Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều bình quân hàng năm đạt 3 - 5%/năm.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới 55,3%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 1,2%.



- Hằng năm, tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt trên 86%; tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt trên 80%.
- Tỷ lệ che phủ rừng trên 60%.
- Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị đạt 95%; tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý: 80%.
- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt trên 80%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của tỉnh đạt trên 50%.
- Hằng năm tỷ lệ các xã phường, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt trên 80%; tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%. Hằng năm giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương).
- Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định cấp tỉnh đạt trên 95%; cấp huyện đạt trên 90% và cấp xã đạt trên 80%.
- Tỷ lệ đảng bộ trực thuộc tỉnh, tổ chức cơ sở đảng, tổ chức chính quyền, tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 85%.



THÀNH PHỐ LÀO CAI

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Lào Cai nằm ở phía bắc tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bảo Thắng

Phía Tây giáp huyện Bát Xát và thị xã Sa Pa

Phía Nam giáp thị xã Sa Pa và huyện Bảo Thắng

Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

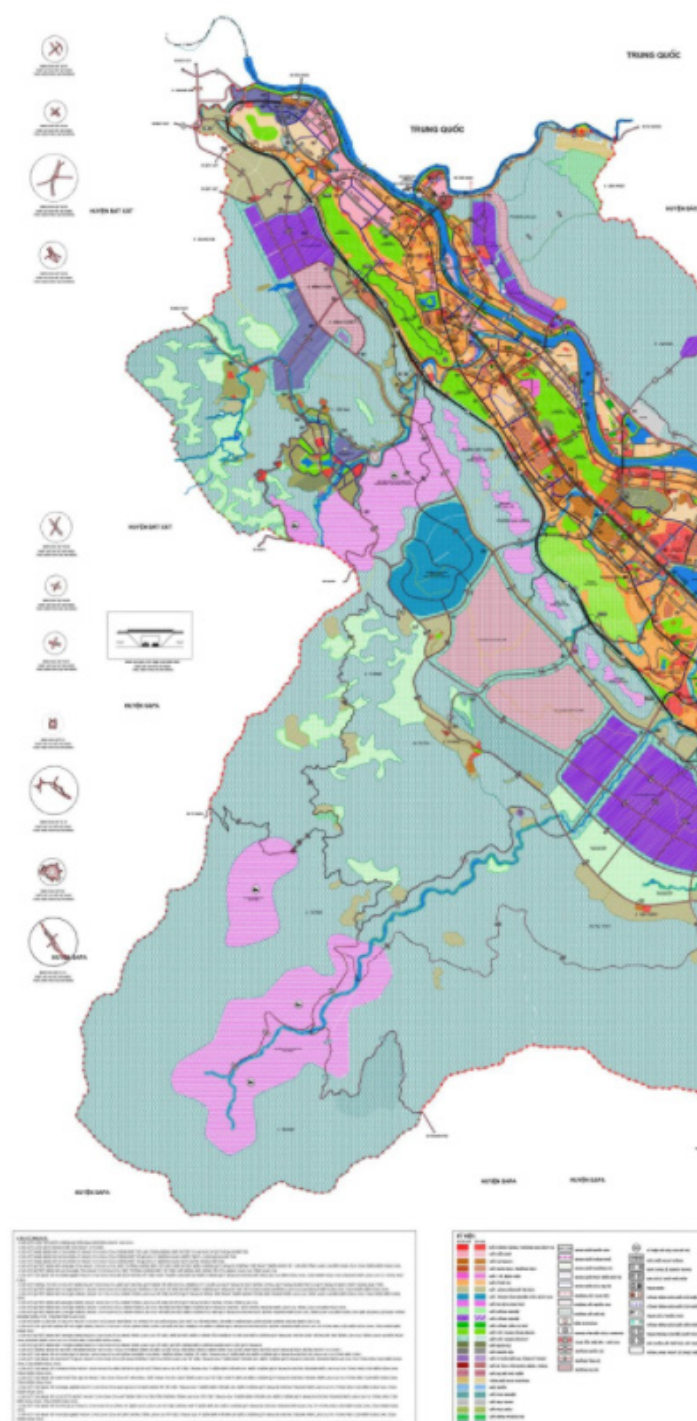
Diện tích: 282 km²

Dân số trung bình: 142.730 người.

Mật độ: 506 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Lào Cai có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 phường: Bắc Cường, Bắc Lệnh, Bình Minh, Cốc Lếu, Duyên Hải, Kim Tân, Lào Cai, Nam Cường, Pom Hán, Xuân Tăng và 7 xã: Cam Đường, Cốc San, Đồng Tuyển, Hợp Thành, Tả Phời, Thống Nhất, Vạn Hòa.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy đảng, xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế đặc biệt là khu kinh tế cửa khẩu; ưu tiên phát triển thương mại, dịch vụ và thu hút du lịch, trong tâm là xây dựng mạng lưới dịch vụ thương mại điện tử hiện đại; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng bố trí vào các khu cụm công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm đặc sắc phục vụ cho du lịch. Chú trọng đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị - nông thôn, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, chủ động mở rộng đối ngoại. Huy động mọi nguồn lực xây dựng thành phố biên cương hữu nghị, thông minh, đặc sắc, đạt các tiêu chí đô thị loại I, là một trung tâm phát triển vùng Tây Bắc.



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 15,8%; GRDP bình quân đầu người (2025) là 180 triệu đồng/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 125 triệu đồng/năm (trong đó khu vực đô thị 140 triệu đồng/người/năm, khu vực nông thôn 80 triệu đồng/người/năm).
- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - Dịch vụ 52%; Công nghiệp - Xây dựng 45%; Nông - Lâm nghiệp & thủy sản 3%.
- Tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 35.000 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 9.000 tỷ đồng (giá thực tế), trong đó giá trị tiểu thủ công nghiệp 2.790 tỷ đồng.
- Giá trị sản phẩm trên 1ha đất canh tác đạt 155 triệu đồng.
- Lượng khách du lịch đến thành phố đạt 4,3 triệu lượt người.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 4.500 tỷ đồng.
- Nâng cấp 2 xã lên phường (Vạn Hòa, Cam Đường).
- Tập trung xây dựng các xã đạt nông thôn mới nâng cao vào năm 2025.
- Xây dựng mới 107 tuyến phố văn minh, trong đó có 4 tuyến phố kiểu mẫu; tỷ lệ đô thị hóa đạt 80%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2025 phấn đấu đạt 90.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý, phân loại tại các phường đạt 97%; tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý đạt 85%.
- Cải tạo, quản lý 800 ha rừng cảnh quan, môi trường, sinh thái. Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng 50%.
- Xây dựng 50% số trường trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10‰; xây dựng Bệnh viện Đa khoa thành phố đạt tiêu chí bệnh viện hạng II.





- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt 90%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%; số lao động có việc làm mới giai đoạn 2021 - 2025 đạt 14.000 lao động.
- Hàng năm, tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa từ 96% trở lên; tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa từ 96% trở lên; cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa từ 97% trở lên
- 100% các đơn vị dân quân tự vệ huấn luyện đạt khá, giỏi, 82,5% tỷ lệ dân quân tự vệ huấn luyện đạt khá giỏi trở lên; 90% số thôn, tổ dân phố, 100% cơ quan, đơn vị, trường học có phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt khá trở lên; 95% các xã, phường đạt xuất sắc.
- Phấn đấu điều tra các án hình sự đạt từ 90% trở lên, các vụ việc khác (án dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, lao động) đạt 85% trở lên; giảm 10% tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí.
- Tỷ lệ thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong thời hạn quy định đối với thành phố đạt trên 90%, các xã, phường đạt trên 80%.
- Trên 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên.
- Hàng năm 100% tổ chức chính quyền cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Chính quyền thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có từ 85% mặt trận tổ quốc, các đoàn thể thành phố xếp loại cao nhất theo hình thức đánh giá.
- Tỷ lệ chi, đảng bộ trực thuộc hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 90%; Đảng bộ thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

THỊ XÃ SAPA



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 685 km²

Dân số trung bình: 67.431 người.

Mật độ: 98 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Sa Pa có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 6 phường: Cầu Mây, Hàm Rồng, Ô Quý Hồ, Phan Si Păng, Sa Pa, Sa Pả và 10 xã: Bản Hồ, Hoàng Liên, Liên Minh, Mường Bo, Mường Hoa, Ngũ Chỉ Sơn, Tả Phìn, Tả Van, Thanh Bình, Trung Chải.



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Sa Pa nằm ở phía tây tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Bảo Thắng và thành phố Lào Cai

Phía Tây giáp huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu

Phía Nam giáp huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu và huyện Văn Bàn

Phía Bắc giáp huyện Bát Xát.





Một Số Chỉ Tiêu Phát Triển Chính Giai đoạn 2021 - 2025. Tầm nhìn đến 2030

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 trên 14,5%/năm. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 145 triệu đồng/năm.
- Cơ cấu kinh tế năm 2025: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 11%; công nghiệp, xây dựng 27%; dịch vụ - du lịch 62%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: 85 triệu đồng
- Tổng vốn đầu tư huy động trên toàn địa bàn giai đoạn 2021-2025 là 65 nghìn tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 1.500 tỷ đồng.
- Giá trị sản phẩm/01 ha đất canh tác và nuôi trồng thủy sản đạt 160 triệu đồng.
- Tổng lượng khách du lịch đến Sa Pa: 5,8 triệu lượt, trong đó khách quốc tế 1 triệu lượt. Doanh thu từ du lịch 27.900 tỷ đồng.
- Phấn đấu đến năm 2025 Sa Pa trở thành đô thị du lịch ASEAN, là trọng điểm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái và văn hóa của Việt Nam.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ năm 2025: 12.000 tỷ đồng.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm trong giai đoạn là 05 xã.
- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới Quốc gia năm 2025 đạt 99%.



- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2025 là 79%; Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục trung học phổ thông và tương đương đến năm 2025 là 75%.
- Số giường bệnh/vận dân đến năm 2025 đạt 30 giường bệnh; Số bác sĩ/vận dân đến năm 2025 đạt 7,5 bác sĩ. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao/tuổi đến năm 2025 giảm còn dưới 26%; Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi đến năm 2025 giảm còn dưới 17%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2025 là 1,2%
- Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều bình quân đạt 6%/năm.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo tham gia hoạt động kinh tế của địa phương đến năm 2025 đạt 65%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 29%; Giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2025 xuống còn 54%; hàng năm tạo việc làm mới cho 1.500 lao động.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa đến năm 2025 đạt 86%; Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa đến năm 2025 đạt 85%.
- Tỷ lệ thu gom rác thải: Đô thị 100%; khu vực nông thôn 90%.
- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 55%.
- Trên 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50% trở lên.

Huyện Bát Xát

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Bát Xát là một huyện biên giới, nằm ở phía Tây bắc tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông và phía Bắc giáp huyện Hà Khẩu thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc

Phía Tây giáp huyện Phong Thổ và huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và huyện Kim Bình thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc

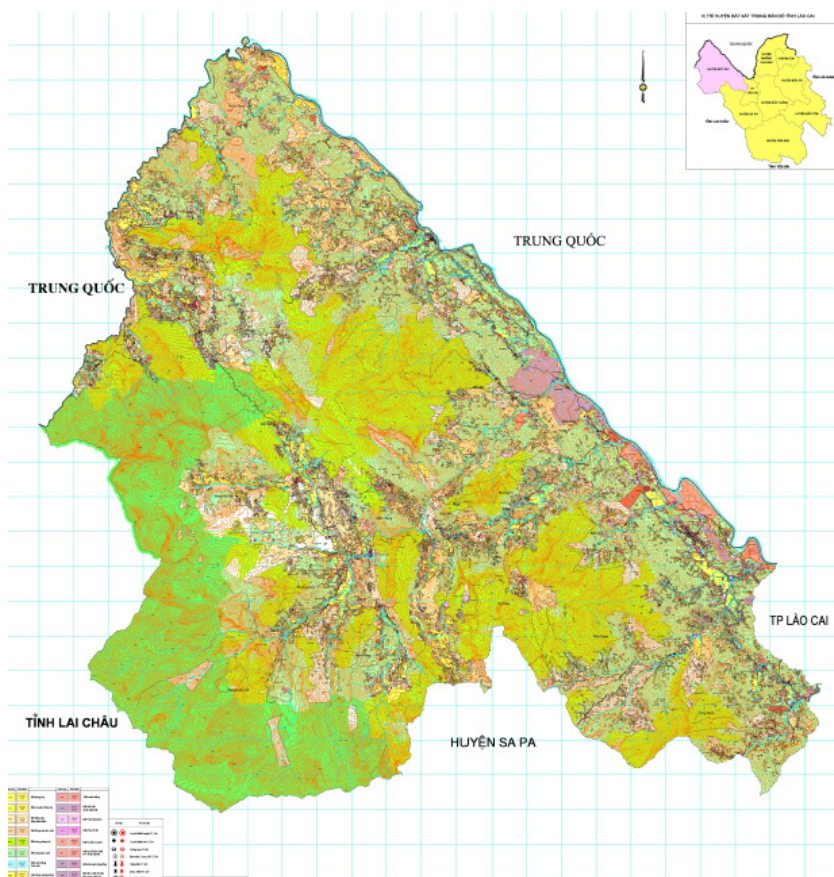
Phía Nam giáp thị xã Sa Pa, Đông Nam giáp thành phố Lào Cai.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.036 km²

Dân số trung bình: 79.368 người.

Mật độ: 77 người/km²



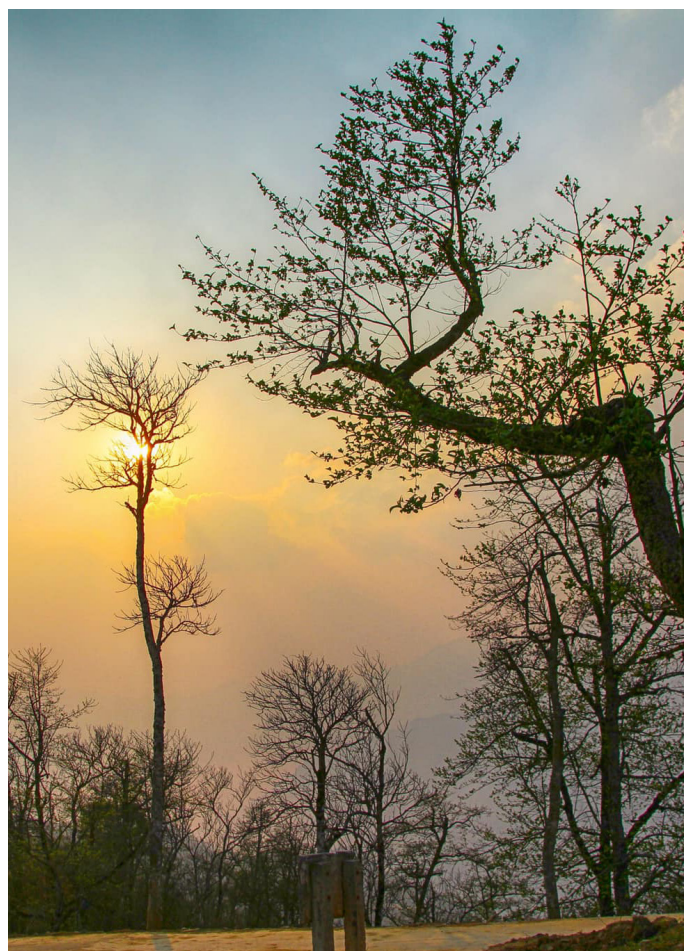
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bát Xát có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Bát Xát và 20 xã: A Lù, A Mú Sung, Bản Qua, Bản Vược, Bản Xèo, Cốc Mỳ, Dền Sáng, Dền Thành, Mường Hum, Mường Vi, Nậm Chạc, Nậm Pung, Pa Cheo, Phìn Ngan, Quang Kim, Sàng Ma Sáo, Tòng Sành, Trịnh Tường, Trung Lèng Hồ, Y Tý.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

- Tốc độ tăng trưởng sản phẩm trên địa bàn, bình quân đạt 13%
- GRDP bình quân đầu người đạt 120 triệu đồng/ người/ năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/ năm
- Cơ cấu các ngành kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 15%, công nghiệp - xây dựng 59%, thương mại, dịch vụ - du lịch 26%.
- Xây dựng thêm 6 xã đạt nông thôn mới
- Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% theo giai đoạn 2015 - 2020
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%.
- Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, 80% các xã, thị trấn xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh.



- Công tác xây dựng Đảng phần đầu tỷ lệ đảng viên đạt 6,5% trở lên/ dân số.
- Hàng năm 100% các chi, đảng bộ trực thuộc huyện ủy hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chính quyền, mặt trận tổ quốc các đoàn thể huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ

HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Mường Khương nằm ở phía Bắc tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Si Ma Cai và huyện Bắc Hà

Phía Tây và phía Bắc giáp Trung Quốc với đường biên giới Việt - Trung dài 86,5 km, trong đó có 55 km đất liền

Phía Nam giáp huyện Bảo Thắng.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 565 km²

Dân số trung bình: 65.010 người.

Mật độ: 115 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mường Khương có 16 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Mường Khương và 15 xã: Bản Lầu, Bản Sen, Cao Sơn, Dìn Chín, La Pan Tẩn, Lùng Khẩu Nhìn, Lùng Vai, Nậm Chảy, Nậm Lư, Pha Long, Tả Gia Khâu, Tả Ngải Chồ, Tả Thành, Thanh Bình, Tung Chung Phố.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 13,68%; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng; tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân theo chuẩn mới đạt từ 6%/năm; phấn đấu đến năm 2025 có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 2 xã đạt nông thôn mới nâng cao; Số Đảng viên kết nạp mới bình quân 200 Đảng viên mới/năm; Hàng năm tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt trên 90%...

Huyện Si Ma Cai

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Si Ma Cai là một huyện miền núi biên giới phía đông bắc tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

Phía Tây giáp huyện Mường Khương

Phía Nam giáp huyện Bắc Hà

Phía Bắc giáp huyện Mã Quan, châu Văn Sơn, Vân Nam, Trung Quốc và huyện Mường Khương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

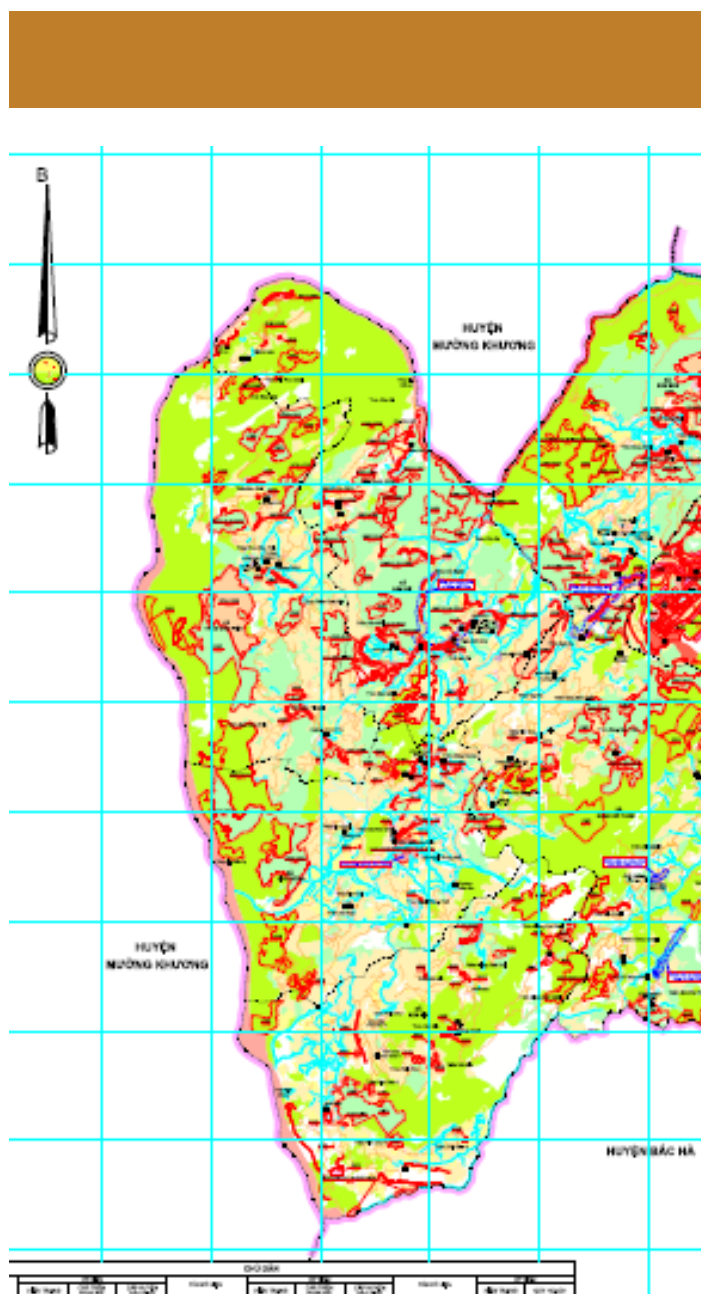
Diện tích: 235 km²

Dân số trung bình: 38.199 người.

Mật độ: 162 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Si Ma Cai có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Si Ma Cai và 9 xã: Bản Mế, Cán Cấu, Lùng Thẩn, Nàn Sán, Nàn Sín, Quan Hồ Thẩn, Sán Chải, Sín Chéng, Thào Chư Phìn.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



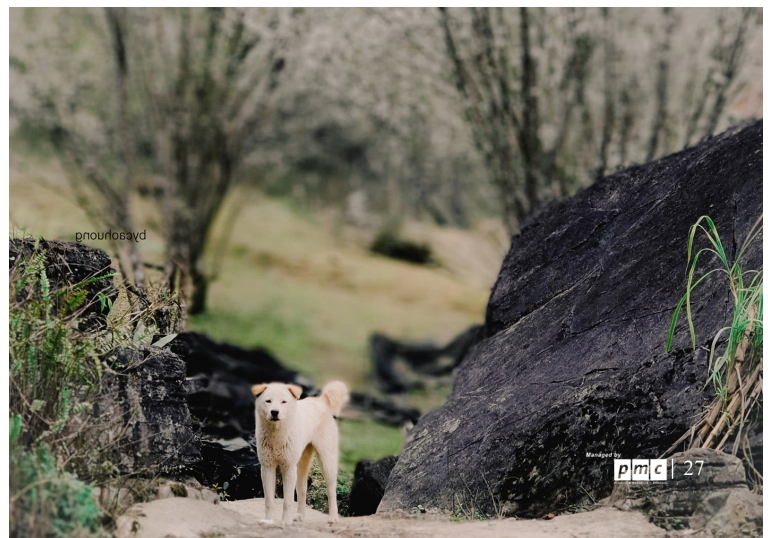
Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng chất lượng bền vững. Tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm tăng giá trị sản xuất. Chủ trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và chất lượng nguồn nhân lực. Xây dựng khu vực phòng thủ gắn với bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, giữ vững quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2025, đưa Si Ma Cai ra khỏi huyện nghèo.





- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân đạt 12%, GRDP bình quân đầu người/năm đạt 84 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 48 triệu đồng.
- Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 42,27%; công nghiệp - xây dựng 18,42%; dịch vụ 39,31%.
- Tổng vốn đầu tư huy động trên toàn địa bản trong 5 năm đạt 2.500 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác đạt 60 triệu đồng.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 đạt trên 60%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 120 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 500 tỷ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bản đạt 30 tỷ đồng.
- Huyện duy trì bền vững và nâng cao chất lượng PCGD-XMC; tỷ lệ trường học được kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia đạt 65%; tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương đạt 55%.

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 13%; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi giảm còn 15%; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao/tuổi là 27%; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, dưới 12%.
- Tỷ lệ giường bệnh đạt 36 giường/vạn dân; đạt 09 bác sỹ/vạn dân.
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 6%/năm trở lên theo chuẩn nghèo mới.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%.
- Số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt trên 88%, số thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá trên 94%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 41%; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị và 02 cụm xã đạt trên 95%, nông thôn đạt trên 85%.
- Hoàn thành 100% kế hoạch luyện tập, diễn tập, huấn luyện kiến thức quốc phòng - an ninh, tuyên quân; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng Dân quân tự vệ đạt trên 30%.
- Hằng năm tỷ lệ các xã, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào. Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt 80% trở lên; tỷ lệ điều tra giải quyết các vụ án đạt trên 90%; tỷ lệ giảm tai nạn giao thông cả 03 tiêu chí (số vụ, số người bị chết, số người bị thương) bình quân 5%/năm.
- Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời gian quy định đối với cấp huyện đạt 90%, cấp xã đạt 80% trở lên.
- Tỷ lệ đảng viên, to chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 95%; Đảng bộ huyện đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; chi bộ thôn, tổ dân phố có Ban chi ủy đạt 90% trở lên; tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác đạt 80% trở lên.
- Các cơ quan chuyên môn, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 95% trở lên; Chính quyền cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt 90% trở lên.



HUYỆN BẮC HÀ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bắc Hà nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Si Ma Cai

Phía Nam giáp huyện Bảo Yên và huyện Bảo Thắng

Phía Đông giáp huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

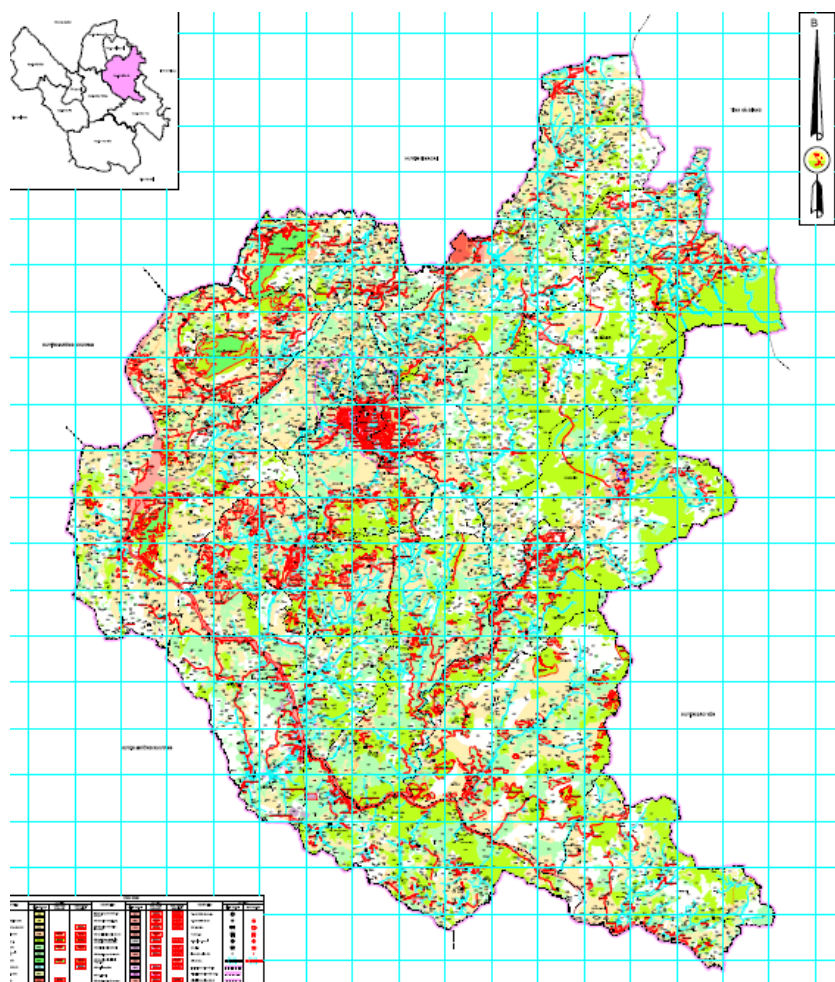
Phía Tây giáp huyện Mường Khương.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 681 km²

Dân số trung bình: 66.448 người.

Mật độ: 97 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bắc Hà có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Bắc Hà và 18 xã: Bản Cỏi, Bản Liễn, Bản Phố, Bảo Nhai, Cốc Lầu, Cốc Ly, Hoàng Thu Phố, Lùng Cải, Lùng Phình, Na Hối, Nậm Đét, Nậm Khánh, Nậm Lúc, Nậm Mòn, Tà Chải, Tả Củ Tỷ, Tả Van Chư, Thái Giàng Phố.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030



- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm bình quân giai đoạn 2020-2025 là 15%;
- Cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp và thủy sản là 23%, công nghiệp xây dựng cơ bản 32,5%, dịch vụ 44%;
- Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn đạt 1 triệu lượt khách;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người/năm.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2020-2025 đạt 9.500 tỷ đồng;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 300 tỷ đồng, trong đó thu cân đối ngân sách huyện là 250 tỷ đồng.
- Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản 80 triệu đồng.
- Phấn đấu 7 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới;
- Số Đảng viên kết nạp mới bình quân 200 Đảng viên;
- 95% chi bộ, đảng bộ trực thuộc hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- 90% chi bộ thôn, tổ dân phố có chi ủy.
- Tỷ lệ giảm nghèo hàng năm trên 7%.

HUYỆN BẢO THẮNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

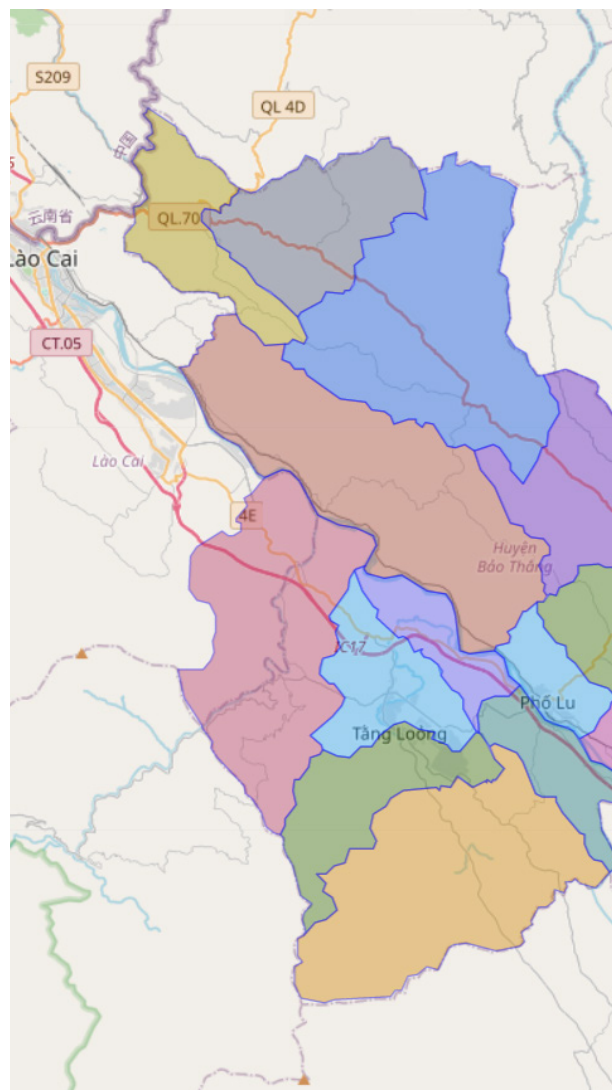
Huyện Bảo Thắng nằm ở trung tâm tỉnh Lào Cai, giáp với hầu hết các đơn vị hành chính cấp huyện khác trong tỉnh, có vị trí địa lý:

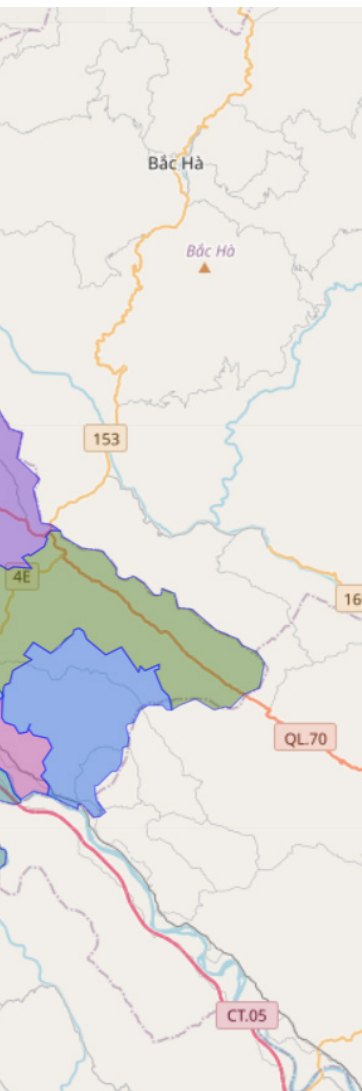
Phía Đông giáp huyện Bắc Hà và huyện Bảo Yên

Phía Tây giáp thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai và huyện Hà Khẩu, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (với đường biên giới 7 km)

Phía Nam giáp huyện Văn Bàn

Phía Bắc giáp huyện Mường Khương.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

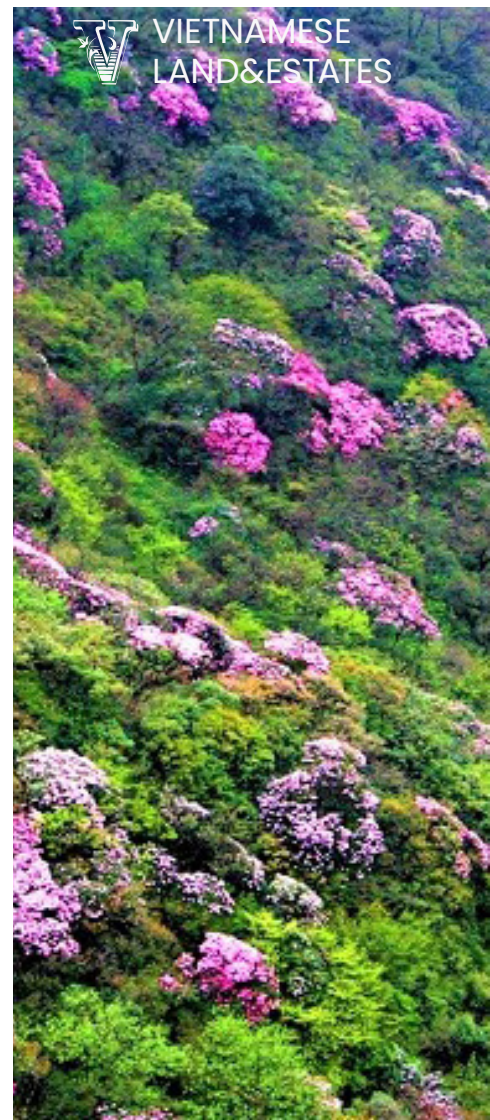
Diện tích: 644 km²

Dân số trung bình: 109.042 người.

Mật độ: 169 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bảo Thắng có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 3 thị trấn: Phố Lu, Nông trường Phong Hải, Tăng Loỏng và 11 xã: Bản Cầm, Bản Phiệt, Gia Phú, Phong Niên, Phú Nhuận, Sơn Hà, Sơn Hải, Thái Niên, Trì Quang, Xuân Giao, Xuân Quang



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ huyện Bảo Thắng đặt mục tiêu phấn đấu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 14,6%; thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 610 tỷ đồng; giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác đạt 120 triệu đồng/năm; đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 86 triệu đồng, tăng gần gấp đôi so với thời điểm hiện tại; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3,8% (theo chuẩn nghèo đa chiều mới); tỷ lệ hộ khá, giàu chiếm 50% trở lên. Đại hội cũng xác định 24 chỉ tiêu cụ thể và 03 nhiệm vụ đột phá trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp, thương mại dịch vụ và phát triển kết cấu hạ tầng...

HUYỆN BẢO YÊN



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Bảo Yên nằm ở phía Đông Nam tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang và huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái

Phía Tây giáp huyện Bảo Thắng

Phía Nam giáp huyện Văn Bàn và huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Phía Bắc giáp huyện Bắc Hà và huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 819 km²

Dân số trung bình: 86.956 người.

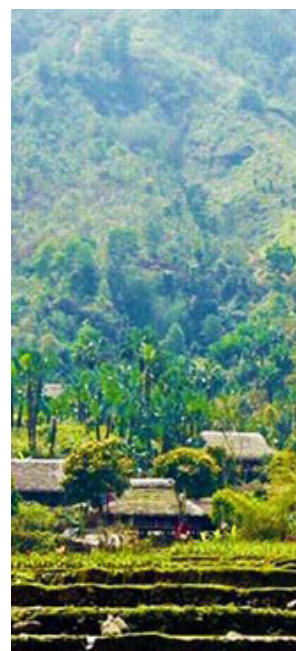
Mật độ: 106 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Bảo Yên có 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Phố Ràng và 16 xã: Bảo Hà, Cam Cọn, Điện Quan, Kim Sơn, Lương Sơn, Minh Tân, Nghĩa Đô, Phúc Khánh, Tân Dương, Tân Tiến, Thượng Hà, Việt Tiến, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Xuân Thượng, Yên Sơn.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025. TẦM NHÌN ĐẾN 2030

Phát triển thực tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững; đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao bằng các biện pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn từ ngân sách, các thành phần kinh tế và nhân dân; phát huy các tiềm năng thế mạnh của địa phương trong phát triển mọi mặt đời sống KTXH. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh trật tự an toàn xã hội xây dựng huyện Bảo Yên thành huyện tốt đầu của tỉnh.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13,55%/năm; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 132 triệu đồng/năm.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp chiếm tỷ lệ 24%; Công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ lệ 39%; Du lịch và dịch vụ chiếm tỷ lệ 37%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025: đạt từ 78 triệu đồng/người/năm trở lên, cao hơn mức trung bình toàn tỉnh.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025: 14.500 tỷ đồng.
- Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất canh tác đến năm 2025: 105 triệu đồng.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: 09 xã (đến năm 2025; lũy kế toàn huyện có 16/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 03 xã chuẩn nông thôn mới (nâng cao). Phần đầu huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.
- Giá trị sản xuất công nghiệp - TICN, xây dựng (giá so sánh 2010) đạt 4.190 tỷ đồng (trong đó: giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN đạt 790 tỷ đồng).
- Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn năm 2025: 2,5 triệu lượt người.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 295 tỷ đồng (gồm cả thu từ thủy điện, di tích).



XÃ HỘI

- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: trên 75%, duy trì vững chắc và nâng cao mức độ đạt chuẩn PCGD các cấp, trong đó: 17/17 xã, thị trấn duy trì chuẩn PCGD MN cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học lên THPT, GDTX và học nghề đạt 4%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 70%, trong đó: tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới 71%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 0,4%.
- Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều bình quân đạt 2%/năm, cuối nhiệm kỳ còn dưới 5% theo tiêu chí hiện nay.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,25%.
- Số giường bệnh trên một vạn dân năm 2025 đạt 25 giường bệnh; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 07 bác sỹ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi dưới 22%, thể cân nặng trên tuổi dưới 149%, tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 98% dân số. Tỷ lệ xã duy trì đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế: 100%.
- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá: 85%; số thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá: 90%.



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại đô thị đạt 95%; tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn được thu gom, xử lý đạt 90%
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 63%.

LĨNH VỰC KHÁC

- (18) Hằng năm, tỷ lệ các xã, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt trên 82%; tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%. Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết, số người bị thương) bình quân 5%/năm.



Huyện Văn Bàn

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Văn Bàn nằm ở phía Nam tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp huyện Văn Yên, phía Nam giáp huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái

Phía Tây giáp huyện Than Uyên và huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Lai Châu

Phía Bắc giáp thị xã Sa Pa, huyện Bảo Thắng và huyện Bảo Yên.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.420 km²

Dân số trung bình: 91.171 người.

Mật độ: 64 người/km²

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015
Tổng dân số	82.000	91.171	91.171	91.171
Mật độ dân số	57,8	64	64	64

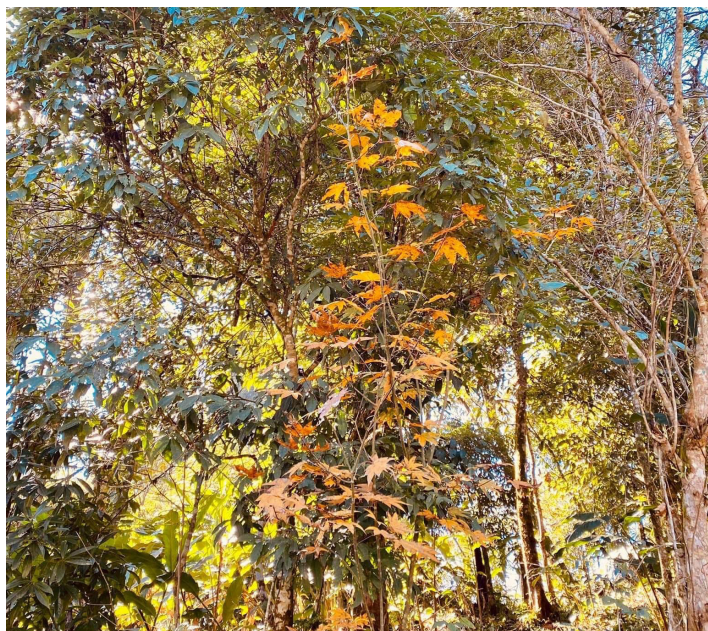
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Văn Bàn có 22 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Khánh Yên và 21 xã: Chiềng Ken, Dân Thành, Dương Quỳ, Hòa Mạc, Khánh Yên Hạ, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Làng Giàng, Liêm Phú, Minh Lương, Nậm Chày, Nậm Mả, Nậm Dạng, Nậm Tha, Nậm Xê, Nậm Xé, Sơn Thủy, Tân An, Tân Thượng, Thẩm Dương, Võ Lao.





Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm. Xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông, hạ tầng các khu đô thị, hình thành các vùng kinh tế trọng tâm là đột phá. Khai thác tiềm năng thế mạnh, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư là động lực. Phát huy nội lực, huy động tối đa nguồn lực, tăng thu ngân sách để chi cho đầu tư phát triển. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông và ứng dụng hiệu quả khoa học công nghệ. Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh gắn với xây dựng khu căn cứ hậu phương của tỉnh vững chắc. Đến năm 2025 Văn Bàn trở thành huyện phát triển khá và huyện nông thôn mới của tỉnh.



KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020-2025 đạt trên 13%;
- Cơ cấu các ngành kinh tế đến 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 18%; công nghiệp - xây dựng 53,6%; thương mại - dịch vụ 28,4%;
- GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt trên 127 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 74 triệu đồng;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội lũy kế đến năm 2025 đạt 30.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác năm 2025 đạt trên 100 triệu đồng;
- Đến năm 2025 có 21/21 xã đạt chuẩn Nông thôn mới;
- Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt trên 11.528 tỷ đồng;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 2.300 tỷ đồng;
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện đến 2025 đạt 377 tỷ đồng;

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân mỗi năm từ 4 - 5% trở lên;
- Đến năm 2025 tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 97,6% (82/84 trường); tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương là 85%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 65%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ là 40,5%. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 68,5%, phi nông nghiệp là 31,5%;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2025 dưới 1,05%;
- Đến năm 2025 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao trên tuổi (thấp còi) 19,12%; là tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng trên tuổi (nhẹ cân) là 14,59%;
- Hàng năm trên 80% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; trên 80% số thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá.

MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 66%; đến năm 2025 tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt 87%; tỷ lệ rác thải nguy hại được thu gom xử lý 100%;



Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Lào Cai Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Lào Cai

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần
thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/kk8sn2>

Thành phố Lào Cai

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Lào Cai
lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/2cds3s>

Thị xã Sa Pa

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Sa Pa lần thứ
XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/a8n09>

Huyện Bát Xát

Đại hội Đại biểu Đảng Bộ huyện Bát Xát lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/csadqw>

Huyện Mường Khương

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Mường
Khương lần thứ V (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/4gska6>

Huyện Si Ma Cai

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Si Ma Cai lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/iykwmj>

Huyện Bắc Hà

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Hà lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/tat7ac>

Huyện Bảo Thắng

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Thắng lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025)
<https://bitly.com.vn/tyancd>

Huyện Bảo Yên

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên lần
thứ XII (nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://bitly.com.vn/i8iwmj>

Huyện Văn Bàn

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn lần
thứ XI (nhiệm kỳ 2020 -2025)
<https://bitly.com.vn/9ozemm>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Lào Cai

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (km ²)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	6.367	746.355	117,22
Thành phố Lào Cai	282	142.730	506
Thị xã Sa Pa	685	67.431	98
Huyện Bát Xát	1.036	79.368	77
Huyện Mường Khương	565	65.010	115
Huyện Si Ma Cai	235	38.199	162
Huyện Bắc Hà	681	66.448	97
Huyện Bảo Thắng	644	109.042	169
Huyện Bảo Yên	819	86.956	106
Huyện Văn Bàn	1.420	91.171	64

